

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 29/1999/QĐ-
BNN/BVTV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Về việc Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật
được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam*

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73-CP ngày 01/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 26, Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, công bố ngày 15/2/1993;

Căn cứ điều lệ quản lý thuốc Bảo vệ thực vật ban hành kèm theo nghị định số 92/CP ngày 27/11/93 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật;

Xét đề nghị của các ông: Cục trưởng cục Bảo vệ thực vật, Vụ Trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này:

1. Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam, (có danh mục kèm theo) gồm:

1.1. Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 87 hoạt chất với 270 tên thương mại
- Thuốc trừ bệnh hại cây trồng: 69 hoạt chất với 216 tên thương mại
- Thuốc trừ cỏ: 57 hoạt chất với 160 tên thương mại
- Thuốc trừ chuột: 08 hoạt chất với 11 tên thương mại
- Chất kích thích sinh trưởng cây rừng: 17 hoạt chất với 26 tên thương mại
- Chất dẫn dụ côn trùng: 01 hoạt chất với 02 tên thương mại
- Thuốc trừ ốc sên: 01 hoạt chất với 02 tên thương mại
- Thuốc trừ mối: 02 hoạt chất với 02 tên thương mại
- Thuốc bảo quản lâm sản: 04 hoạt chất với 05 tên thương mại

10. Thuốc khử trùng kho: 03 hoạt chất với 03 tên thương mại

2. Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, (có danh mục kèm theo) gồm:

2.1. Thuốc sử dụng trong nông nghiệp.

2.1.1. Thuốc trừ sâu: 06 hoạt chất với 08 tên thương mại

2.1.2. Thuốc trừ bệnh hại cây trồng: 01 hoạt chất với 01 tên thương mại

2.1.3. Thuốc trừ cỏ: 01 hoạt chất với 01 tên thương mại

2.1.4. Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất với 03 tên thương mại

2.2. Thuốc bảo quản lâm sản: 11 hoạt chất với 11 tên thương mại

2.3. Thuốc trừ mối: 03 hoạt chất với 03 tên thương mại

2.4. Thuốc khử trùng kho: 03 hoạt chất với 09 tên thương mại

3. Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật cấm sử dụng trong nông nghiệp ở Việt Nam, (có danh mục kèm theo) gồm:

3.1. Thuốc trừ sâu: 18 hoạt chất

3.2. Thuốc trừ bệnh: 06 hoạt chất

3.3. Thuốc trừ cỏ: 01 hoạt chất

3.4. Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quyết định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Cục Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm qui định về sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

Điều 4. Các công Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ & Chất lượng sản phẩm, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, thủ trưởng các cơ quan đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức cá nhân trong nước và người nước ngoài quản lý sản xuất kinh doanh buôn bán và sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/1999/QĐ-BNN/BVTV

ngày 04/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tt	Tên hoạt chất (common name)	Tên thương mại (trade name)	Tổ chức xin đăng ký (applicant)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:			

	1.Thuốc trừ sâu:		
1	Acetamiprid	Mospilan 3 EC	Nippon Soda Co., Ltd
2	Acrinathrin	Rufast 3 EC	AgrEvo Co., Ltd
3	Alpha - Cypermethrin	Alfathrin 5 EC	Alfa Company Ltd
		Alpha 5 EC	Map Pacific PTE Ltd
		Alphacy 5 EC	Cty TNHH TM Nông Phát
		Alphan 5 EC	Cty DV BVTVA n giang
		Bestox 5 EC	FMC Asia Pacific Inc - HK
		Cyper - Alpha 5 ND	Cty vật tư KTNN Cần Thơ
		Fastac 5 EC	Cyanamid (Singapore) Pr.Ltd
		Fastocid 5 EC	Cty TTS Tiền Giang
		Fastox 5 EC	Cty vật tư bảo vệ thực vật I
		Fortac 5 EC	Forward Int Ltd
		Sapen - Alpha 5 EC	Cty TTS Sài Gòn
		Tiper - Alpha 5 EC	Cty TNHH Thái Phong
		Vifast 5 ND	Cty thuốc sát trùng Việt Nam
		Visca 5 EC	Cty vật tư BVTV II
4	Alpha - Cypermethrin 1 % +	Hopfa 41 EC	Cyanamid Ltd (Sigapore) Pr.Ltd

	Fenobucarb 40 %		
5	Amitraz	Mitac 20 EC	AgrEvo AG
6	Azadirachtins	Neem Bond - A EC (1000ppm)	Rangsit Agri - Economic Ltd
		Nimbecidine 0.03 EC	T. Stanes & Co., Ltd, India
7	Bacillus thuringiensis	Bacterin B.T WP	TT.NC.CNSH Tp. HCM
	(var.Kurstaki)	Batik 11500 IUT.ni/mg SC	Sivex (EMC-SCPA)
		Biobit 16 K WP, 32 B FC	Forward Int Ltd
		Biocin 16 WP	Cty TTS Sài gòn
		BTB 16 BTN	Cty TNHH Tuấn Thịnh
		Delfin WG (32 BIU)	SDS Biotech K.K Japan
		Dipel 3.2 WP	Abbott laboratories AG Product
		Forwabit 16 WP, 32 Past	Forward Int Ltd
		Kuang Hwa Bao WP 16000 IU / mg	Kuang Hwa Chemical Co., Ltd
		MVP 10 FS	Cali - Parimex Inc
		Thuricide HP	SDS Biotech K.K Japan
		V.K 16 WP, 32 WP	Cty vật tư bảo vệ thực vật I

8	Bacillus thuringiensis (var. aizawai)	Aztron 7000 DBMU	Map Pacific PTE Ltd
		Xentari 35 WDG	Abbott lab. AG Product Div.
9	Beauveria bassiana	Beauverine	
		Muskardin	Cty vật tư KTNN Cần Thơ
10	Beta - Cyfluthrin	Bulldock 025 EC	Bayer Agritech Sài Gòn
11	Benfuracarb	Oncol 20 EC, 25 WP, 5 G	Otsuka Chemical Co., Ltd
12	Buprofezin	Applaud 10 WP	Nihon Nohyaku Co., Ltd
		Butyl 10 WP	Cty TTS Sài gòn
		Encofezin 10 WP	Encochem Int. Corp
		Profezin 10 WP	Cty vật tư bảo vệ thực vật II
13	Buprofezin 7 % + Fenobucarb 20 %	Applaud - Bas 27 BTN	Cty thuốc sát trùng Việt Nam
14	Buprofezin 5.0 % + Isoprocarb 20.0 %	Applaud - Mipc 25 WP,	Nihon Nohyaku Co., Ltd
		Applaud - Mipc 25 BHN	Cty thuốc sát trùng Việt Nam